

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

A. Mô tả khái quát về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu.

1. Khái quát về dự án:

1.1. Tên dự án: Xử lý cấp bách kè chống sạt lở và cứng hóa mái bờ sông Kiến Giang đoạn qua thành phố Thái Bình (từ cầu Phúc Khánh đến Xí nghiệp gạch, ngôi xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư).

1.2. Tên Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; dự án nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp II.

- Loại, cấp các công trình thuộc dự án:

+ Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: cấp II;

+ Công trình giao thông: Xây dựng lại cầu Đen trên đường Phan Bá Vành (tại vị trí cũ) và xây dựng mới cầu trên đường Nguyễn Tông Quai kéo dài (cấp IV).

1.4. Địa điểm xây dựng: Phường Vũ Phúc, phường Trần Hưng Đạo, phường Trần Lãm, xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên.

1.5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1.6. Quy mô đầu tư xây dựng giai đoạn 1:

1.6.1. Quy mô đầu tư xây dựng

+ Đầu tư giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng phần kè mái hai bên bờ sông và xây dựng hoàn trả các công trình trên tuyến đoạn từ cầu Phúc Khánh đến đường vành đai phía Nam; nạo vét lòng sông đoạn từ cầu Phúc Khánh đến cầu Sam; xây dựng lại cầu Đen trên đường Phan Bá Vành và xây mới cầu trên đường Nguyễn Tông Quai kéo dài; giải phóng mặt bằng các hạng mục đầu tư giai đoạn 1.

1.6.2. Giải pháp thiết kế và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

a. Giải pháp thiết kế kè mái bờ sông, nạo vét sông:

* Giải pháp thiết kế kè:

- Đỉnh kè: Cao trình đỉnh mái kè (+1,80)m; dầm đỉnh kè bằng bê tông cốt

thép mác 200. Trên đỉnh kè xây tường gạch không nung kết hợp với lan can bằng ống thép mạ kẽm, cao trình đỉnh tường (+2,40)m.

- Mái kè: Hệ số mái $m = 2$. Lát mái kè bằng tấm bê tông mác 200 đúc sẵn kích thước (60 x 60 x 8) cm trong khung dầm bê tông cốt thép mác 200 đổ tại chỗ.

- Chân kè: Dầm đỉnh chân kè bằng bê tông cốt thép mác 200. Dưới dầm đỉnh chân kè đóng cọc cừ xương cá bằng bê tông cốt thép mác 300, cao trình đầu cọc cừ (+0,50) m. Đối với đoạn từ cầu Phúc Khánh đến K0+997,53m (cọc P8), phía ngoài hàng cọc cừ là lăng thể đá hộc thả rời phủ rọ đá vỏ thép mạ kẽm kích thước rọ (2 x 1 x 0,5) m.

* Giải pháp thiết kế nạo vét sông:

- Nạo vét sông với cao trình đáy sông (-3,25) m; hệ số mái $m = 2$.

- Chiều rộng sông:

+ Đoạn từ cầu Phúc Khánh đến K0+476,63m (cọc C6+13,55m): Chiều rộng mặt thoáng sông giữa 2 tường đỉnh kè là 28,91 m; chiều rộng đáy sông 24,0 m;

+ Đoạn từ K0+476,63 (cọc C6+13,55m) đến K0+997,53m (cọc P8): Chiều rộng mặt thoáng sông giữa 2 tường đỉnh kè là (28,91 + 47,51) m; chiều rộng đáy sông là (24,0 ÷ 42,6) m;

+ Đoạn từ K0+997,53m (cọc P8) đến Xí nghiệp gạch, ngôi xã Vũ Hội: Chiều rộng mặt thoáng sông giữa 2 tường đỉnh kè là 48,56 m; chiều rộng sông giữa 2 hàng cọc cừ là 43,74 m; chiều rộng đáy sông là 28,0 m.

* Giải pháp xây dựng đồng bộ các công trình trên tuyến:

Xây mới và hoàn trả các cống đầu kênh bằng bê tông và bê tông cốt thép, Cánh van điều tiết bằng thép, đóng mở bằng vít me.

b. Giải pháp thiết kế cầu Đen trên đường Phan Bá Vành:

- Xây dựng cầu Đen, bắc qua kênh Kiến Giang trên đường Phan Bá Vành tại vị trí cầu cũ, bề rộng toàn cầu $B=21$ m, trong đó bề rộng mặt đường 10,50 m, bề rộng vỉa hè mỗi bên rộng 5 m, bề rộng gờ lan can mỗi bên 0,25 m.

- Sơ đồ nhịp: cầu 03 nhịp, sơ đồ nhịp (12 + 15 + 12) m.

- Tải trọng thiết kế: Hoạt tải thiết kế HL93 và lề bộ hành 3,0 KN/m².

- Cầu 3 nhịp bê tông cốt thép dự ứng lực, trong đó nhịp giữa có chiều dài nhịp $L = 15$ m, 2 nhịp biên dài $L = 12$ m, bê tông dầm 40 Mpa, mặt cắt ngang cầu gồm 21 dầm bản đặt cách nhau 1 m.

- Mố, trụ cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép 30 Mpa đặt trên nền móng cọc ép bê tông cốt thép đúc sẵn kích thước (40 x 40) cm.

- Đường đầu cầu: Chiều dài tuyến $L = 263,55$ m. Quy mô cắt ngang đoạn từ đường Chu Văn An đến cầu theo mặt ngang quy hoạch $B = 5+10,5+5 = 20,5$ m.

- Đối với đoạn sau cầu: Vuốt nổi êm thuận về mặt đường hiện trạng. Thiết

kế hệ thống vỉa hè, điện chiếu sáng, rãnh dọc thoát nước mặt đường, hệ thống an toàn giao thông đồng bộ...

- Kết cấu áo đường đoạn từ Km0+8,45 đến Km0+179: Bê tông nhựa C16 dày 7 cm; tưới nhựa thấm bám hàm lượng 1 kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15 cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 25 cm; nền đường bằng cát đen đầm chặt K98 dày 50 cm; bù vênh nền đường bằng cát đen K95.

- Kết cấu áo đường đoạn từ Km0+179 đến cuối tuyến: Bê tông nhựa C16 dày 7 cm; tưới nhựa dính bám hàm lượng 0,5 kg/m²; bù vênh mặt đường cũ bằng bê tông nhựa C16.

- Công trình trên tuyến: Thiết kế đồng bộ hệ thống vỉa hè, ô cây, điện chiếu sáng, cống, rãnh thoát nước, hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

c. Giải pháp thiết kế cầu trên đường Nguyễn Tông Quai kéo dài:

- Mặt cắt ngang cầu gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có bề rộng 19 m (trong đó bề rộng mặt đường 11 m, bề rộng vỉa hè và lan can phía ngoài rộng 6 m, bề rộng vỉa hè và lan can phía trong rộng 2m), bề rộng toàn cầu $B = 19 + 2 + 19 = 40$ m (bao gồm 02 đơn nguyên cầu và 2m phân cách giữa 02 đơn nguyên).

- Sơ đồ nhịp: Cầu 03 nhịp, sơ đồ nhịp (12 + 15+12) m.

- Tải trọng thiết kế: Hoạt tải thiết kế HL93 và lề bộ hành 3 KN/m².

- Cầu 3 nhịp bê tông cốt thép dự ứng lực, trong đó nhịp giữa có chiều dài nhịp $L = 15$ m, 1 nhịp dài $L = 12$ m, bê tông dầm 40 Mpa, mặt cắt ngang 1 đơn nguyên gồm 19 dầm bản đặt cách nhau 1 m.

- Mố, trụ cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép 30 Mpa đặt trên nền móng cọc ép bê tông cốt thép đúc sẵn kích thước (40 x 40) cm.

* Đường đầu cầu: Chiều dài tuyến dài $L = 251,32$ m. Quy mô cắt ngang theo mặt ngang quy hoạch $B_m = 6+11 + 6 + 11 + 6 = 40$ m.

- Kết cấu áo đường: Bê tông nhựa C12,5 dày 5 cm; tưới nhựa dính bám hàm lượng 0,5 kg/m²; bê tông nhựa C16 dày 7 cm; tưới nhựa thấm bám hàm lượng 1 kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 18 cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 30 cm; nền đường bằng cát đen đầm chặt K98 dày 50 cm; bù vênh nền đường bằng cát đen K95.

- Công trình trên tuyến: Thiết kế đồng bộ hệ thống cống, rãnh thoát nước, hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

2. Khái quát về gói thầu:

2.1. Tên Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên

2.2. Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế cơ sở - Giai đoạn 1

2.3. Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Thực hiện công việc Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế cơ sở - Giai đoạn 1.

2.4. Giá dự toán gói thầu: 6.246.064.000 VND. Trong đó:

- Chi phí khảo sát: 2.262.543.000 đồng.

- Chi phí lập thiết kế BVTC: 3.983.521.000 đồng.

2.5. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2.6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

2.7. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

2.8. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.

2.9. Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý I/2026.

2.10. Loại hợp đồng: Trọn gói.

2.11. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

2.12. Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

B. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực, đủ kinh nghiệm, đáp ứng tốt các yêu cầu của hồ sơ mời thầu để thực hiện gói thầu.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc:

- Nhà thầu thực hiện công việc Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế cơ sở - Giai đoạn 1 đảm bảo tuân thủ theo hồ sơ thiết kế cơ sở đã được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 27/12/2024.

- Cùng chủ đầu tư giải quyết những vướng mắc trong quá trình thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Thực hiện công việc giám sát tác giả theo quy định.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn.

2.1. Công tác khảo sát:

2.1.1 Mục đích khảo sát xây dựng:

Thu thập các số liệu cần thiết về địa hình, địa chất và thủy văn để phục vụ công tác thiết kế lập bản vẽ thi công công trình.

2.1.2 Phạm vi khảo sát xây dựng:

Dự án Xử lý cấp bách kè chống sạt lở và cứng hóa mái bờ sông Kiến Giang, đoạn qua thành phố Thái Bình (từ cầu Phúc Khánh đến xí nghiệp gạch ngói xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư) thuộc địa phận phường Trần Hưng Đạo, phường Vũ Phúc, phường Trần Lãm và xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên (thành phố Thái Bình và xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cũ). Dự án có phạm vi khảo sát như sau:

- Điểm đầu dự án tại cầu Phúc Khánh;
- Điểm cuối dự án là khu vực Xí nghiệp gạch ngói thuộc xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư cũ;
- Quy mô xây dựng dự án:
 - + Kè mái bờ sông, nạo vét sông Kiến Giang: Kè mái bờ sông với tổng chiều dài kè hai bên là 7563,5m; trong đó bờ tả dài 3845,9m và bờ hữu dài 3717,6m. Nạo vét lòng sông toàn tuyến với chiều dài 4km;
 - + Xây dựng tuyến đường ven sông: Xây dựng tuyến đường bên bờ tả đoạn từ cầu Đen đến đường vành đai phía Nam theo quy mô thiết kế đường phố nội bộ với chiều dài 1630,77m;
 - + Xây dựng lại cầu Đen trên đường Phan Bá Vành (tại vị trí cũ) và xây mới cầu trên đường Nguyễn Tông Quai kéo dài theo quy hoạch đường đã được phê duyệt;
 - + Xây dựng các công trình trên tuyến đảm bảo đồng bộ;
- Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng phần kè mái hai bên sông và xây dựng hoàn trả các công trình trên tuyến đoạn từ cầu Phúc Khánh đến đường vành đai phía Nam; nạo vét lòng sông đoạn từ cầu Phúc Khánh đến cầu Sam; xây dựng lại cầu Đen trên đường Phan Bá Vành và xây mới cầu trên đường Nguyễn Tông Quai kéo dài; Giải phóng mặt bằng các hạng mục đầu tư giai đoạn 1.

2.2. Công tác lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

- Lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình đảm bảo tuân thủ theo nội dung được phê duyệt bước dự án và theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:
 - + Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế; phù hợp với nội dung dự án đầu tư xây dựng được duyệt, quy hoạch xây dựng, cảnh quan kiến trúc, điều kiện tự nhiên, văn hoá - xã hội tại khu vực xây dựng.
 - + Nội dung thiết kế xây dựng công trình phải đáp ứng yêu cầu của từng bước thiết kế.
 - + Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác.
 - + Có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng hạng mục công trình và với các công trình liên quan; bảo đảm điều kiện về tiện nghi, vệ sinh, sức khoẻ cho người sử dụng; tạo điều kiện cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em sử dụng công trình. Khai thác lợi thế và hạn chế tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu thân thiện với môi trường.
 - + Nhà thầu phải đệ trình cơ sở thiết kế, phương pháp thiết kế cho Chủ đầu tư thông qua trước khi tiến hành thiết kế.

+ Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt cùng với dự toán.

- Nội dung hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:

+ Thuyết minh gồm các nội dung theo quy định, phải tính toán lại và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, kiểm tra các số liệu làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; các bản tính toán kết cấu, giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được và các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

+ Bản vẽ phải thể hiện đầy đủ các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện lập tổng dự toán, dự toán và lập hồ sơ mời thầu xây lắp; Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

+ Dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình: Theo đúng các quy định của địa phương nơi có công trình xây dựng, các hướng dẫn của từng địa phương có công trình xây dựng, các quy định hiện hành về lập tổng mức đầu tư, dự toán công trình. Giảm thiểu tối đa kinh phí, tiết kiệm tránh lãng phí.

- Nghiệm thu hồ sơ thiết kế.

+ Sản phẩm thiết kế phải được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp thiết kế không đảm bảo yêu cầu theo hợp đồng thì Nhà thầu thiết kế phải thiết kế lại và chịu mọi chi phí, kể cả chi phí thẩm tra thiết kế. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng thiết kế và bồi thường thiệt hại khi sử dụng thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng và các hành vi vi phạm khác gây ra thiệt hại.

- Giám sát tác giả theo quy định.

2.3. Sản phẩm nhà thầu phải nộp

Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư 09 bộ hồ sơ và một đĩa CD sau khi đã được chỉnh sửa theo yêu cầu của đơn vị thẩm tra, cơ quan thẩm định, phê duyệt được sử dụng trên các phần mềm chuyên dụng (mỗi bộ gồm: hồ sơ thuyết minh thiết kế, tính toán; hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán vv...).

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ theo tuần, tháng và đột suất (khi có yêu cầu của Chủ đầu tư). Báo cáo bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử.

- Thời gian thực hiện: Ngay sau khi ký hợp đồng và hoàn thành dự kiến trong thời gian 90 ngày.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

1. Nhân sự.

- Theo yêu cầu cụ thể tại Mục 2 Chương III.

2. Kinh nghiệm của nhân sự.

- Theo yêu cầu cụ thể tại Mục 2 Chương III.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp những tài liệu, hồ sơ có liên quan đến dự án cho tổ chức tư vấn (trong phạm vi cho phép);

- Cử cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp để hỗ trợ, theo dõi tiến độ và phối hợp giải quyết các vướng mắc (nếu có);

- Thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng đã ký kết, tổ chức nghiệm thu, thanh toán khi dự án được phê duyệt

- Các vấn đề Nhà thầu tư vấn thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản, Chủ đầu tư sẽ có văn bản trả lời trong khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm trễ ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng.